

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 03/4/2025

V/v: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Huy

2. Ông Phạm Bá Thoan

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Vi Thị T - Sinh năm 1985

Địa chỉ: bản C, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Lương Văn L - Sinh năm 1981

Địa chỉ: bản C, xã N, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa chị Vi Thị T, anh Lương Văn L vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2024, Bản tự khai ngày 29/11/2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Vi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị và anh Lương Văn L tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo, huyện Quan Sơn vào ngày 19/6/2001. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường được khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do: vợ chồng tính tình thay đổi, không còn chung quan điểm sống, mỗi người có lối suy nghĩ khác nhau, dần dần cuộc sống không còn hạnh phúc, hay

cãi vã, xung đột nên đã tự ly thân từ năm 2022 đến nay không ai quan tâm tới nhau nữa. Xác định mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh L được ly hôn.

Về con chung: chị và anh L có hai con chung là Lương Thị V, sinh năm 2001 và Lương Thị L, sinh năm 2002. Hiện hai con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ, có cuộc sống gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: chị Vi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Vi Thị T đề nghị chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Vi Thị T còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Căn cước công dân của chị, anh L (bản sao chứng thực); Giấy khai sinh Lương Thị V, Lương Thị L (bản sao); Xác nhận thông tin về nơi cư trú của chị và anh L; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án.

* *Về bị đơn:* tại bản tự khai ngày 02/12/2024 anh L trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý với ý kiến trình bày của chị T điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là đúng thực tế. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về số con chung. Hiện hai con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất và trí tuệ, có cuộc sống gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đồng ý với ý kiến của chị T, theo đó chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

* *Tại biên bản hòa giải ngày 12/12/2024, chị T và anh L đã thống nhất:*

Về hôn nhân: hai bên đều xác định tại thời điểm kết hôn chị T chưa đủ tuổi nên không yêu cầu Tòa án hòa giải về quan hệ hôn nhân mà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn; Về con chung: hai bên thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản và công nợ: hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

* *Tại biên bản xác minh ngày 04/3/2025, ông Nguyễn Phúc H - Phó Chủ tịch UBND xã Na Mèo cho biết:* Qua kiểm tra, rà soát, đối chiếu dữ liệu công dân đăng ký kết hôn trong sổ hộ tịch từ năm 2001 đến nay. UBND xã Na Mèo xác nhận: chị Vi Thị T, sinh năm 1985 và anh Lương Văn L, sinh năm 1981 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo vào ngày 21/6/2002.

* *Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tổ tụng tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật pháp luật Tổ tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 của Bộ luật

TTDS. Điều 14; khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Vi Thị T đối với bị đơn anh Lương Văn L. Về án phí, chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn trong các bản tự khai; ý kiến của đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Vi Thị T và anh Lương Văn L các văn bản tố tụng của Tòa án; chị T, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh L.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Quan Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T, sinh ngày 01/10/1985 và anh Lương Văn L, sinh ngày 13/02/1981 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Na Mèo, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 21/6/2001 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 188, quyển số 01 do UBND xã Na Mèo cấp. Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn và Biên bản xác minh tại UBND xã Na Mèo thì tại thời điểm kết hôn, chị T chưa bước sang tuổi mười tám, vi phạm điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 là hôn nhân bất hợp pháp. Đến nay anh, chị đều đủ tuổi kết hôn nhưng do vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau về tính cách, quan điểm sống, thường xuyên xảy ra xung đột đã sống ly thân, cả hai không muốn đăng ký kết hôn lại và đều mong muốn Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Qua chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện, Bản tự khai; Biên bản xác minh tại UBND xã Na Mèo mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của chị T, anh L thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc. Nay chị T có đơn ly hôn, HĐXX áp dụng Điều 11; khoản 1 Điều 51 Luật HNGĐ năm 2014 và hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016 nên chấp nhận đơn ly hôn của chị T đồng thời giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

[4] Về con chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị T, anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Vi Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Quan Sơn tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Sơn.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật TTDS. Điều 11, khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC- BTP ngày 06/01/2016. Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T được ly hôn anh Lương Văn L.

Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Sơn, theo biên lai thu số 0002551, ký hiệu BLTU/23 ngày 29/11/2024. Chị T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quan Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Na Mèo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Tùng

